

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TẠ THANH HẢI

MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng- Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Nguyễn Ngọc Vũ**

Phản biện 1: TS. Nguyễn Hiệp

Phản biện 2: TS. Tống Thiện Phước

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của quốc gia. Một mặt, DNNVV được đánh giá là một trong những tổ chức kinh doanh thích hợp, có những ưu thế về tính năng động, linh hoạt, thích ứng nhanh với yêu cầu của thị trường. Mặt khác, DNNVV thu hút được một lượng lao động, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, xóa đói giảm nghèo và tăng nguồn thu cho ngân sách.

Thời gian qua Đảng và Nhà Nước ta nói chung và TP Đà Nẵng nói riêng rất quan tâm đến việc phát triển các DNNVV và coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển DNNVV đã gặp những hạn chế, khó khăn nhất là về, công nghệ, mặt bằng sản xuất... Để khắc phục những khó khăn nêu trên thì cho vay Ngân Hàng là công cụ tài chính rất cần thiết trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển các loại hình DN, đặc biệt là DNNVV, đồng thời khuyến khích, phát huy tất cả các nguồn lực của DN, cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế cùng tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong những năm qua, Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng đã có nhiều cố gắng trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của DNNVV. Tuy nhiên, lượng vốn dành cho đối tượng khách hàng này còn hạn chế so với nhu cầu, sự hạn chế này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Trong đó có cả nguyên nhân từ phía ngân hàng lẫn nguyên nhân từ phía các DN, đặc biệt là từ môi trường hoạt động của nền kinh tế.

Trước tình hình đó, việc mở rộng hoạt động cho vay đối với DNNVV tại ACB Đà Nẵng là một vấn đề hết sức cần thiết. Xuất phát từ thực tế trên, học viên chọn đề tài: ***“Mở rộng hoạt động cho***

vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng”

2. Mục đích nghiên cứu

- Làm rõ về mặt lý luận hoạt động cho vay của Ngân Hàng thương mại đối với DNNVV

- Phân tích thực trạng hoạt động cho vay của ACB Đà Nẵng đối với DNNVV

- Đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng hoạt động cho vay của ACB Đà Nẵng đối với DNNVV

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động mở rộng tín dụng của ACB Đà Nẵng đối với các DNNVV

*** Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu giới hạn về thực tế hoạt động cho vay đối với DNNVV tại NH TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng trong giai đoạn 2008 – 2011. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp mở rộng cho vay trên phương diện cho vay tại ACB Đà Nẵng đối với DNNVV trong thời kỳ 2015-2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn này là phương pháp duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp như:

Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê, tổng hợp

Phương pháp so sánh

Phương pháp điều tra.

Trên cơ sở nội dung của đề tài, tiến hành thu thập số liệu từ Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ngân hàng nhà nước thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Á Châu, CN Đà Nẵng. Thực hiện so

sánh tương đối và tuyệt đối, phân tích số liệu để đưa ra những đánh giá về tình hình thực tế, những khó khăn tồn tại và giải pháp cần khắc phục trong quá trình cho vay đối với các Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Bộ cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Các vấn đề lý luận về mở rộng cho vay của ngân hàng thương mại và đặc trưng của đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương 2: Thực trạng cho vay đối với DNNVV tại chi nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu

Chương 3: Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay đối với DNNVV chi nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu Đà Nẵng

6. Tổng quan tài liệu

Cho vay DNNVV là một trong những đối tượng mà các ngân hàng hiện nay đang có sự quan tâm đặc biệt, nhằm để mở rộng hoạt động cho vay đối với DNNVV cũng như gây dựng nên thương hiệu đến với DN. Do vậy, việc nghiên cứu mở rộng cho vay đối với DNNVV cần được tiến hành một cách có khoa học. Để có thông tin cần thiết phục vụ cho việc nghiên cứu luận văn, tác giả đã tiến hành thu thập thông tin, tìm hiểu các luận văn thạc sĩ có nội dung tương tự đã được công nhận để tiến hành nghiên cứu nhằm tìm ra nền tảng cho quá trình hoàn thành luận văn.

Luận văn của tác giả Trần Công Tân (2011) trong đề tài “*Mở rộng tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng*”. Trong phần cơ sở lý luận tác giả đã trình bày khá chi tiết về vai trò, chức năng của Ngân hàng thương mại cũng như phân chia khá rõ về các hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại. Trên cơ sở lý

luận về các hoạt động cho vay của ngân hàng, tác giả đã xây dựng các phương thức và chỉ tiêu đánh giá kết quả mở rộng hoạt động cho vay và là cơ sở để phân tích thực trạng mở rộng cho vay tại ngân hàng. Qua việc phân tích thực trạng, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng hoạt động cho vay tại ngân hàng, các giải pháp được đề xuất có tính thực tiễn và có khả năng áp dụng vào thực tế để mở rộng hoạt động cho vay của ngân hàng.

Luận văn của tác giả Lê Thị Thanh (2010) trong đề tài “*Mở rộng hoạt động Cho vay đối với Doanh nghiệp Dân Doanh tại chi nhánh Ngân hàng Công Thương Đà Nẵng*”. Trong phần cơ sở lý luận tác giả đã trình bày khá chi tiết về vai trò, chức năng của Ngân hàng thương mại cũng như phân chia khá rõ về các hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại. Trên cơ sở lý luận về các hoạt động cho vay của ngân hàng, tác giả đã xây dựng các phương thức và chỉ tiêu đánh giá kết quả mở rộng hoạt động cho vay và là cơ sở để phân tích thực trạng mở rộng cho vay tại ngân hàng. Qua đó tác giả đã mạnh dạn đưa ra các giải pháp về mở rộng DN Dân Doanh trên địa bàn phù hợp với hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Luận văn của tác giả Võ Thị Ngọc Bích (năm 2011) trong đề tài “*Phát triển cho vay đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Nam*” tác giả đã xây dựng được một cơ sở lý luận gọn nhẹ nhưng rất logic, từ việc thể hiện được những nội dung cơ bản của hoạt động cho vay ngân hàng thương mại đến việc chi tiết hóa những vấn đề cơ bản đối với hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại. Với đề tài nghiên cứu về mở rộng cho vay DNNVV thì việc xác định được nội dung và những tiêu chí đánh mở rộng cho vay DNNVV là hết sức quan trọng, đây là nội dung cốt lõi của cơ sở lý luận nhằm để phục vụ cho việc phân tích đánh giá thực trạng cho vay DNNVV của ngân hàng. Do đó, tác giả đã xây dựng được các tiêu chí khá rõ để

đánh giá việc mở rộng cho vay DNNVV đồng thời đã nêu lên được những nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng cho vay DNNVV của ngân hàng thương mại.

Trên cơ sở lý luận về lợi ích, đặc điểm và vai trò của hoạt động cho vay DNNVV, tác giả đã đề xuất các giải pháp có tính khả thi để mở rộng cho vay DNNVV phù hợp với hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Qua nghiên cứu luận văn trên cho thấy, tác giả đã xây dựng được một cơ sở lý luận có tính logic, luận văn đi sâu vào trọng tâm của nội dung nghiên cứu, do vậy, đã chỉ ra những tồn tại đã ảnh hưởng đến quá trình mở rộng cho vay cũng như đề xuất giải pháp có tính khả thi để mở rộng hoạt động cho vay DNNVV tại ngân hàng này.

CHƯƠNG 1

CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỞ RỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. TỔNG QUAN VỀ CHO VAY

1.1.1. Khái niệm về cho vay của ngân hàng thương mại

1.1.2. Chức năng của cho vay

1.1.3. Vai trò của cho vay

1.1.4. Các hình thức cho vay của NHTM

1.2. DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.2.1. Khái niệm DNNVV

Theo nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 DNNVV được định nghĩa như sau: Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)

1.2.2. Đặc điểm DNNVV

1.2.3. Vai trò của DNNVV

1.3. MỞ RỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.3.1. Nội dung mở rộng cho vay

❖ Mở rộng tín dụng của NHTM là tăng quy mô cho vay trên cơ sở kiểm soát rủi ro và đảm bảo khả năng sinh lời phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Như vậy, việc mở rộng tín dụng của ngân hàng là tăng quy mô cho vay, xét cho cùng là tăng tổng dư nợ vay của khách hàng thông qua tăng số lượng khách hàng hoặc/và tăng mức dư nợ vay bình quân trên mỗi khách hàng. Tuy nhiên, tùy theo chiến lược từng thời kỳ của ngân hàng mà có thể đánh đổi giữa việc tăng quy mô cho

vay và chấp nhận rủi ro hoặc giảm lợi nhuận mong muốn nhằm đạt được mục tiêu chính của ngân hàng.

❖ Để mở rộng cho vay ngân hàng cần phải tiến hành các nội dung sau:

a. Mở rộng quy mô cho vay DNNVV qua các năm

- Tăng trưởng dư nợ cho vay DNNVV
- Tăng trưởng số lượng DNNVV vay vốn
- Tăng dư nợ bình quân khách hàng

b. Đa dạng hóa sản phẩm cho vay DN

c. Nâng cao chất lượng dịch vụ cho vay DN

d. Gia tăng thu nhập cho vay DN

e. Kiểm soát rủi ro cho vay DN

1.3.2. Các tiêu chí đánh giá mở rộng cho vay

Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển cho vay doanh nghiệp thể hiện sự đánh giá cả trên phương diện tăng trưởng quy mô cho vay qua các năm, đa dạng hóa sản phẩm cho vay, gia tăng thu nhập cho vay DNNVV và kiểm soát rủi ro cho vay.

a. Các tiêu chí phản ánh tăng trưởng quy mô cho vay

b. Chỉ tiêu phản ánh đa dạng hóa:

c. Gia tăng thu nhập từ hoạt động cho vay doanh nghiệp:

d. Chỉ tiêu chất lượng cho vay

1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng cho vay của DNNVV

Trong bất kỳ hoạt động nào trong nền kinh tế - xã hội đều ít nhiều chịu sự tác động của các nhân tố bên ngoài và bên trong, việc xác định được các nhân tố sẽ giúp chúng ta tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để mang lại hiệu quả. Mở rộng hoạt động cho vay của ngân hàng cũng không nằm ngoài mục tiêu đó. Việc tìm kiếm, phân tích, giải quyết tốt các nhân tố có ảnh hưởng đến mở rộng cho vay sẽ giúp ngân hàng tìm ra các giải pháp nhằm

thực hiện tốt hơn kế hoạch kinh doanh của mình trong đó có mở rộng hoạt động cho vay đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Các nhân tố có ảnh hưởng đến mở rộng hoạt động cho vay, cụ thể như sau:

a. Các nhân tố môi trường vĩ mô

b. Khách hàng

c. Đối thủ cạnh tranh

d. Các nhân tố môi trường nội bộ ngân hàng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

DNNVV là một bộ phận kinh tế quan trọng và ngày càng có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế, tạo ra công ăn việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. DNNVV có nhiều lợi thế, nhiều tiềm năng để phát triển. Tuy nhiên, với đặc điểm là quy mô nhỏ, phân bố rộng khắp, dễ dàng thích ứng với những thay đổi nhưng với khả năng tài chính yếu, nguồn vốn ít nên DNNVV rất cần sự tài trợ vốn thông qua kênh cho vay chính thức từ các NHTM.

Chương 1 đã đưa ra những lý luận cơ bản về hoạt động cho vay của Ngân hàng, những đặc điểm của DNNVV ảnh hưởng đến hoạt động cho vay của NHTM; các tiêu chí phản ánh hoạt động mở rộng cho vay đối với DNNVV và những nhân tố ảnh hưởng hoạt động mở rộng cho vay đối với DNNVV, là cơ sở để chương 2 đi vào phân tích thực trạng, những những tồn tại trong việc hoạt động mở rộng cho vay đối với DNNVV tại NH TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHO VAY ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI CN NH TMCP Á CHÂU ĐÀ NẴNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CHI NHÁNH NH TMCP Á CHÂU ĐN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Chi nhánh NH TMCP Á Châu Đà Nẵng

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ Chi nhánh NH TMCP Á Châu ĐN

2.1.3. Cơ cấu tổ chức

2.1.4. Kết quả hoạt động của Chi nhánh NH TMCP Á Châu Đà Nẵng trong giai đoạn 2008-2011

2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH MỞ RỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI NHÁNH NH TMCP Á CHÂU ĐÀ NẴNG

2.2.1. Thực trạng tăng trưởng quy mô cho vay DNNVV

a. Tăng trưởng dư nợ cho vay và tỷ trọng cho vay DNNVV

Thực trạng trong những năm qua tại ACB Đà Nẵng, cho vay đối với các DN nói chung cũng như các DNNVV nói riêng đã tăng về dư nợ và số lượng khách hàng. Tuy nhiên vẫn chưa đạt được kỳ vọng và kế hoạch mà Chi nhánh đưa ra. Những khó khăn gặp phải thuộc cả hai phía ngân hàng và doanh nghiệp.

Qua bảng 2.1 dưới đây, ta thấy quy mô dư nợ bình quân đối với các DNNVV đã tăng lên đáng kể qua các năm. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng không đều qua các năm.

Bảng 2.1. Tình hình tăng trưởng quy mô cho vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tốc độ tăng trưởng (%)	Năm 2010	Tốc độ tăng trưởng (%)	Năm 2011	Tốc độ tăng trưởng (%)
1. Dư nợ	273.808	378.598	38,27	522.542	38,02	735.511	40,76
- Dư nợ DNNVV	167.844	246.164	46,66	346.654	40,82	484.481	39,76
2. Số DN vay vốn	175	197	12,57	235	19,29	282	20,00
- Số DNNVV vay vốn	170	189	11,18	222	17,46	263	18,47
3. Dự nợ BQ DN	1.565	1.922	22,83	2.224	15,70	2.608	17,30
- Dự nợ BQ DNNVV	987	1.302	31,92	1.562	19,89	1.842	17,97

a1. Dư nợ cho vay

Về dư nợ cho vay đối với DNNVV qua các năm luôn chiếm tỷ lệ cao trong kết cấu dư nợ DN tại ACB (chiếm trên 60% tổng dư nợ DN). Tuy nhiên, đứng trên góc độ tăng trưởng dư nợ, ta thấy tốc độ tăng trưởng dư nợ của các DNNVV có xu hướng đi xuống: năm 2009 (46,66%); năm 2010 (40,82%); năm 2011 (39,76%) trái ngược với tốc độ tăng trưởng chung về dư nợ doanh nghiệp. Điều này cho thấy hạn chế của chi nhánh trong việc gia tăng dư nợ đến với DNNVV.

a2. Số lượng doanh nghiệp vay vốn

Về số lượng doanh nghiệp có quan hệ vay vốn qua các năm đã có sự tăng trưởng. Tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Đây là điểm sáng của chi nhánh trong việc cải thiện mối quan hệ với các DN.

a3. Dư nợ bình quân/khách hàng

Về dư nợ bình quân/khách hàng: Sự gia tăng dư nợ không tương xứng với sự gia tăng số lượng khách hàng qua các năm đã dẫn đến dư nợ bình quân/khách hàng của chi nhánh tuy có tăng lên nhưng tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm xuống, cụ thể: năm 2009 (31,92%); năm 2010 (19,89%); năm 2011 (17,97%).

a4. Tình hình mở rộng về thị phần dư nợ của ACB Đà Nẵng

Công tác chăm sóc khách hàng tại ACB Đà Nẵng luôn được quan tâm, ACB Đà Nẵng đã áp dụng một loạt các chính sách nhằm giữ vững và duy trì khách hàng truyền thống, có quan hệ lâu năm. Ngoài ra, ACB Đà Nẵng còn thu hút thêm các khách hàng mới giúp tăng trưởng nguồn vốn huy động và dư nợ tín dụng.

Với chính sách đẩy mạnh hoạt động cho vay đối với DNNVV, dư nợ cho vay đối với DNNVV đã tăng lên đáng kể trong thời gian qua.

Bảng 2.2. Thị phần dư nợ của ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Số tiền	Số tiền	Mức tăng	% Tăng	Số tiền	Mức tăng	% Tăng	Số tiền	Mức tăng	% Tăng
Dư nợ ACB Đà Nẵng	273,808	378,598	104,790	38.27	522,542	143,944	38.02	735,511	212,969	40.76
Dư nợ DNNVV	167,844	246,164	78,320	46.66	346,654	100,490	40.82	484,481	137,827	39.76
Dư nợ NHTM		35,341,258			44,830,474			48,336,608		
Thị phần (%)		1.07%			1.17%			1.52%		

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng, NHNN CN ĐN)

Qua bảng 2.2 ta thấy: Tốc độ dư nợ tăng đều qua các năm ở các ngân hàng thương mại nói chung và ở chi nhánh ACB - Đà Nẵng nói riêng. Việc cho vay đối với DNNVV tại chi nhánh Đà Nẵng chiếm tỷ trọng khá cao, trong tổng dư nợ tại ACB Đà Nẵng.

Cụ thể trong năm 2009 tăng 104.790 triệu đồng (tăng 38,27%) so với năm 2008; năm 2010 tăng 143.944 triệu đồng (tăng 38,02%) so với năm 2010; năm 2011 tăng 212.969 triệu đồng (40,76%) so với năm 2010. Số liệu trên chỉ là số liệu của chi nhánh ACB Đà Nẵng không bao gồm 9 PGD, nhưng so với dư nợ cho vay trên là quá khiêm tốn so với dư nợ cho vay của các NHTM trên địa bàn. Năm 2009 (1,07%); năm 2010 (1,17%); năm 2011 (1,52%).

b. Tăng trưởng dư nợ cho vay theo cơ cấu dư nợ

b1. Tình hình cho vay DNNVV theo thời hạn vay

Dư nợ ngắn hạn và dư nợ trung, dài hạn đều tăng qua các năm và dư nợ ngắn hạn vẫn giữ vị trí chủ đạo. Tỷ trọng của dư nợ ngắn hạn qua các năm đều đạt trên 62%, tuy nhiên tỷ trọng trên tổng dư nợ thì có xu hướng giảm nhẹ do dư nợ trung dài hạn có tốc độ gia tăng hơn.

Bảng 2.3. Dư nợ theo kỳ hạn tại ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Số tiền	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%
DNBQ	167.844	246.164	78.320	46,66	346.654	100.490	40,82	484.481	137.827	39,76
Ngắn hạn	110.442	159.687	49.245	44,59	215.376	55.689	34,87	306.773	91.397	42,44
Trung, dài hạn	57.403	86.477	29.074	50,65	131.278	44.801	51,81	177.708	46.430	35,37

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

Qua bảng 2.3 ta thấy, tỷ trọng cho vay trung, dài hạn đã có sự tăng trưởng về quy mô, tạo điều kiện cho các DNVVN có điều kiện tham gia vào các dự án lớn và có vòng quay vốn lâu dài. Mặt khác hạn mức của mỗi khoản vay trung dài hạn thường lớn, cho thấy số lượng các DNVVN được cấp tín dụng trung dài hạn còn ít.

b2. Tình hình cho vay DNNVV phân theo loại hình doanh nghiệp

Trong cơ cấu dư nợ đối với DNNVV xét theo loại hình doanh nghiệp từ năm 2008 – 2011 của ACB Đà Nẵng nhìn chung đều tăng lên đối với các loại hình doanh nghiệp. Ta có thể thấy rõ hơn qua bảng sau:

Bảng 2.4 Dư nợ theo loại hình DN tại ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Số tiền	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%
DNBQ	167.844	246.164	78.320	46,66	346.654	100.490	40,82	484.481	137.827	39,76
+DNNN	7.201	12.554	5.353	74,34	12.826	272	2,17	20.590	7.764	60,53
+CTCP	38.000	53.122	15.122	39,79	83.578	30.456	57,33	112.012	28.434	34,02
+TNHH	82.244	116.189	33.945	41,27	147.709	31.520	27,13	214.577	66.868	45,27
+DNTN	35.751	59.326	23.575	65,94	97.410	38.084	64,19	124.899	27.489	28,22
+HTX	4.649	4.973	324	6,97	5.130	157	3,16	12.403	7.273	141,77

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

Dư nợ cho vay đối với Cty TNHH chiếm tỷ trọng chủ yếu. năm 2008 là 49% nhưng đến năm 2011 thì tỷ trọng là 44,29% trong tổng dư nợ các DNNVV. Điều này cũng phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường bởi trong hai năm trở lại đây, theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà Nước, đẩy mạnh kinh tế tư nhân thì số lượng công ty TNHH, Công ty CP, DNTN tăng lên nhanh chóng.

b.3. Tình hình cho vay DNNVV theo ngành kinh tế

Bảng 2.5. Dư nợ theo ngành kinh tế tại ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Số tiền	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%
DNBQ	167.844	246.164	78.320	46,66	346.654	100.490	40,82	484.481	137.827	39,76
+Nông nghiệp và lâm nghiệp	9.099	15.336	6.237	68,55	18.835	3.499	22,82	23.326	4.491	23,84
+Công nghiệp và xây dựng	28.745	59.479	30.734	106,92	100.130	40.651	68,35	141.482	41.352	41,30
+Thương mại - dịch vụ	110.419	150.046	39.627	35,89	203.313	53.267	35,50	291.993	88.680	43,62
+Khác	19.581	21.303	1.722	8,79	24.376	3.073	14,43	27.680	3.304	13,55

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

Nhìn vào bảng 2.5 ta thấy, dư nợ cho vay đối với ngành thương mại - dịch vụ luôn chiếm tỷ lệ cao nhất so với các ngành khác, ngoài ra ngành công nghiệp và xây dựng cũng tăng đều qua từng năm và chiếm tỷ trọng tương đối cao so với các ngành còn lại

b4. Tình hình cho vay DNNVV theo hình thức đảm bảo

Bảng 2.6. Dư nợ theo hình thức đảm bảo tại ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Số tiền	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%
DNBQ	167.844	246.164	78.320	46,66	346.654	100.490	40,82	484.481	137.827	39,76
+Thế chấp, cầm cố	124.708	183.269	58.561	46,96	267.302	84.033	45,85	385.991	118.689	44,40
+Bảo lãnh	43.136	62.895	19.759	45,81	79.352	16.457	26,17	98.490	19.138	24,12
+Tín chấp	0	0	0	0,00	0	0	0,00	0	0	0,00

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

Qua bảng 2.6 ta thấy,, tài sản đảm bảo là yếu tố đầu tiên để chi nhánh xem xét việc cho vay và là yếu tố quyết định tới mức cho vay đối với các DNNVV. Dư nợ đối với DNNVV xét theo hình thức đảm bảo bằng thế chấp, cầm cố là chủ yếu.

2.2.2. Thực trạng đa dạng hóa cho vay

Trong thời gian qua, ACB Đà Nẵng đã thực hiện nhiều sản phẩm dịch vụ, nhiều hình thức huy động nguồn vốn mới nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng cho vay thông qua đó làm tăng thu nhập cho ngân hàng, đồng thời phục vụ các nhu cầu ngày một nhiều hơn, đa dạng hơn của khách hàng.

Bảng 2.7. Sản phẩm cho vay DN của ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Sản phẩm cho vay								
Tài trợ vốn lưu động	80,733	48.10	115,342	46.86	152,939	44.12	214,128	44.20
- Cho vay SXKD trong nước	48,851	29.11	70,704	28.72	91,733	26.46	128,905	26.61
- Cho vay bổ sung VKD trả góp	31,881	18.99	44,137	17.93	59,996	17.31	83,648	17.27
- Thấu chi tài khoản	0	0.00	500	0.20	1,210	0.35	1,575	0.33
Tài trợ xuất khẩu	20,432	12.17	30,532	12.40	41,998	12.12	61,661	12.73
- Cho vay bảo đảm bằng khoảng phải thu từ BCT	1,547	0.92	3,097	1.26	3,260	0.94	4,638	0.96
- Tài trợ thu mua dự trữ	589	0.35	1,190	0.48	1,508	0.44	4,845	1.00
- Tài trợ xuất khẩu trọn gói	4,525	2.70	4,090	1.66	6,898	1.99	11,143	2.30
- Tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng	3,083	1.84	4,677	1.90	6,933	2.00	9,205	1.90
- Chiết khấu BCT	10,688	6.37	17,478	7.10	23,399	6.75	31,830	6.57
Tài trợ nhập khẩu	9,277	5.53	13,813	5.61	20,439	5.90	30,984	6.40
- Tài trợ nhập khẩu	9,277	5.53	13,813	5.61	20,439	5.90	30,984	6.40
- Tài trợ nhập khẩu thế chấp bằng chính lô hàng	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tài trợ tài sản cố định - dự án	57,403	34.20	86,477	35.13	131,278	37.87	177,708	36.68
- Tài trợ tài sản cố định - dự án	44,889	26.74	67,392	27.38	102,266	29.50	138,239	28.53
- Cho vay mua thế xe thế chấp bằng chính xe mua	12,514	7.46	19,086	7.75	29,012	8.37	39,469	8.15
Tổng dư nợ	167,844	100	246,164	100	346,654	100	484,481	100

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

2.2.3. Thực trạng nâng cao chất lượng dịch vụ cho vay DNNVV

Để có cơ sở đưa ra những nhận định về việc tiếp cận vốn của DNNVV tại ACB Đà Nẵng, tác giả tiến hành làm cuộc khảo sát nhằm tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận vốn của DNNVV dẫn đến việc phát triển cho vay DNNVV chưa đạt kết quả như mong muốn của ACB Đà Nẵng.

- **Đối tượng và phạm vi khảo sát:** là các DNNVV trên địa bàn TP Đà Nẵng. Hiện tại ACB - Đà Nẵng có hơn 282 khách hàng đang vay vốn là các DN. Nhóm khách hàng được khảo sát đa số là khách hàng hiện đang có dư nợ tại ACB, phần còn lại hiện chưa giao dịch với ACB – Đà Nẵng. Tác giả đã phát 120 phiếu điều tra, đã ghi nhận được 109 phiếu trả lời. 9 phiếu không đủ tiêu chuẩn.

- **Mục đích:** Xem xét những nguyên nhân, cùng giải pháp cụ thể có phù hợp với thực tế không để làm rõ hơn nguyên nhân cản trở khả năng vay vốn của các DNNVV trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

- Phương pháp phân tích:

Phương pháp phân tích sử dụng chính là thống kê mô tả và phân tích kết hợp về kết quả nghiên cứu

- **Kết quả khảo sát và việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng như sau:**

- a. Đối thủ cạnh tranh*
- b. Chính sách giao tiếp, khuyến trương*
- c. Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ cho vay của NH*
- d. Quy trình và thủ tục cho vay*
- e. Điều kiện cho vay*
- f. Phương án kinh doanh của khách hàng*

g. Tài sản đảm bảo

h. Lãi suất cho vay

k. Năng lực thẩm định tín dụng của đội ngũ cán bộ NH

m. Vấn đề đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ NH

n. Năng lực giám sát và xử lý các tình huống cho vay của NH

2.2.4. Thực trạng gia tăng thu nhập từ hoạt động cho vay DNNVV

a. Tình hình thu lãi đối với DNNVV

Nguồn thu nhập chính của các ngân hàng hiện nay chính là thu từ tín dụng, đối với ACB Đà Nẵng thì thu nhập từ lãi là nguồn thu chủ yếu cho ngân hàng, trong đó thu lãi từ tín dụng chiếm tỷ trọng quyết định. Trong một số năm gần đây, quy mô thu lãi từ tín dụng đối với DNNVV tại ACB Đà Nẵng đã tăng lên đáng kể, cụ thể như sau:

Bảng 2.8 Thu lãi đối với DNNVV tại ACB Đà Nẵng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Số tiền	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%	Số tiền	Mức tăng	%
Dư nợ	167.844	246.164	78.320	46,66	346.654	100.490	40,82	484.481	137.827	39,76
Thu lãi	23.498	32.001	8.503	36,19	51.998	19.997	62,49	92.051	40.053	77,03

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

Qua bảng 2.8 cho thấy: Quy mô thu lãi từ hoạt động cho vay đối với DNNVV đã tăng lên đáng kể trong các năm qua. Tuy nhiên, việc thu nhập từ lãi cho vay tăng lên, điều đó phản ánh nỗ lực của ACB Đà Nẵng trong việc quản lý chặt chẽ các khoản cho vay, mặt

khác chứng tỏ DNNVV vay vốn tại ACB Đà Nẵng đang hoạt động có hiệu quả.

b. Tỷ lệ thu nhập lãi ròng trên tổng thu nhập với DNNVV

Đây là chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của hoạt động ngân hàng, chỉ tiêu này phản ánh tỷ trọng của thu nhập lãi suất trên 100 đơn vị tổng thu nhập. Chỉ tiêu này tăng phản ánh thu nhập từ hoạt động tín dụng của ngân hàng có xu hướng tăng nhanh hơn thu nhập từ các dịch vụ và ngược lại. Tỷ lệ thu lãi ròng trên tổng thu nhập đối với DNNVV tại ACB Đà Nẵng được thể hiện như sau:

Bảng 2.9. Tỷ lệ thu lãi ròng trên tổng thu nhập đối với DNNVV

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Thu lãi ròng DNNVV	4.673	9.743	13.758	17.585
Tổng thu nhập	23.927	47.901	65.328	79.462
Tỷ lệ thu lãi ròng trên tổng thu nhập	19,53%	20,34%	21,06%	22,13%

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

Qua bảng 2.9 ta thấy: Thu lãi ròng của các DNNVV tại ACB Đà Nẵng đã tăng lên liên tục từ năm 2009-2011, từ 4.673 triệu đồng năm 2008 đã lên tới 17.585 triệu đồng năm 2011. Tỷ lệ thu nhập lãi ròng trên tổng thu nhập ở mức tương đối cao và tăng dần qua các năm. Điều này cho thấy rằng ACB Đà Nẵng đã và đang quản lý một danh mục khách hàng DNNVV hoạt động có hiệu quả, đây cũng là cơ sở để ngân hàng nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng sinh lời của mình.

2.2.5. Phân tích thực trạng kiểm soát rủi ro

Tỷ lệ dư nợ xấu cho vay DNNVV trong những năm qua nhìn chung có xu hướng tăng từ năm 2009, 2010 và bước sang năm 2011 tỷ lệ nợ xấu qua đầu, bắt đầu giảm. ACB là một ngân hàng rất thận trọng trong việc đánh giá khách hàng khi cho vay nên vấn đề nợ xấu cũng được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng 2.10. Tỷ lệ nợ xấu của DNNVV

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Số tiền	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
DNBQ	273,808	378,598	100	522,542	100	735,511	100
+ DNNVV	167,844	246,164	65.02	346,654	66.34	484,481	65.87
Nợ xấu BQ	3,085	6,269	100	6,968	100	11,688	100
+ DNNVV	2,568	4,800	76.57	6,968	100	8,382	83.82
Tỷ lệ nợ xấu	0.94%	1.66%	100	1.33%	100	1.59%	100
+ DNNVV	1.53%	1.95%	81.93	2.01%	106	1.73%	78.16

(Nguồn: Báo cáo tín dụng ACB Đà Nẵng)

2.3. ĐÁNH GIÁ CHO VAY ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI NHÁNH NH TMCP Á CHÂU ĐÀ NẴNG

2.3.1. Những kết quả đạt được

Nhận thức được tầm quan trọng của các DNNVV trong nền kinh tế thị trường, những năm qua ACB Đà Nẵng đã chú ý đến việc mở rộng quan hệ, đáp ứng nhu cầu vốn vay, đồng thời thực hiện tốt các quy định, chỉ thị về cho vay đối với các doanh nghiệp này. Qua những phân tích ở trên, có thể nhận xét một cách tương đối rằng việc mở rộng hoạt động cho vay đối với các DNNVV tại ACB Đà Nẵng tuy chưa cao nhưng nhìn chung đã đạt được những kết quả nhất định.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

Trong những năm vừa qua, bên cạnh các kết quả đã đạt được thì không thể không tồn tại những hạn chế gây ảnh hưởng đến hoạt

động cho vay của ngân hàng. Cụ thể:

- Huy động vốn không đáp ứng đủ nhu cầu cho vay
- Sản phẩm cho vay chưa đa dạng, hấp dẫn để thu hút được nhiều khách hàng, chưa có chính sách giá hợp lý, cạnh tranh.
- Chưa đa dạng hình thức đảm bảo nợ vay
- Quy trình thủ tục còn rườm rà, phức tạp
- Điều hành lãi suất chưa linh hoạt
- Các sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng còn đơn điệu chưa đáp ứng nhu cầu hiện nay của các DNNVV.
- Đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thẩm định những dự án lớn còn thiếu, chưa được coi trọng đúng mực;
- Khả năng kiểm soát nội bộ chưa cao

b. Nguyên nhân hạn chế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Với kết quả phân tích, đánh giá thực trạng mở rộng cho vay đối với DNNVV của CN ACB – Đà Nẵng thời gian từ năm 2008-2011. Tác giả đã nêu lên một số vấn đề thực trạng, những rào cản trong quá trình ngân hàng tiếp cận cho vay đối với DNNVV cũng như việc DNNVV tiếp cận vốn ngân hàng. Qua cuộc khảo sát, điều tra...đã cho thấy những thuận lợi và khó khăn của DNNVV khi tiếp cận vốn vay NH, từ đó đưa ra các biện pháp kịp thời khắc phục.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐÓI VỚI DNNVV TẠI CHI NHÁNH NH TMCP Á CHÂU ĐÀ NẴNG

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1 Định hướng phát triển DNNVV của chính phủ nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng

3.1.2. Định hướng phát triển của NH TMCP Á Châu CN Đà Nẵng

3.1.3. Mục tiêu của ACB giai đoạn 2010-2020

3.2. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐÓI VỚI DNNVV TẠI CHI NHÁNH NH TMCP Á CHÂU ĐÀ NẴNG

3.2.1. Tăng cường thu hút và đa dạng hóa khách hàng

Cơ sở lý luận Chương 1 đã nêu, đặc điểm của các DNNVV là có quy mô nhỏ và vừa, có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường, bộ máy kinh doanh thường gọn nhẹ, hiệu quả kinh tế luôn gắn liền với lợi ích của người sản xuất kinh doanh, tuy nhiên sự ra đời cũng như hoạt động của nhiều doanh nghiệp còn một số điểm chưa rõ ràng, minh bạch. Vì vậy, ngân hàng còn dè dặt khi cho vay vì e ngại không thu hồi được nợ, khách hàng bỏ trốn, cho nên mở rộng cho vay đối tượng này cần phải phân tích xem khách hàng nào có khả năng sẽ chây ỳ hay kinh doanh kém, dẫn tới nguy cơ không trả được nợ. Đồng thời chương 2 và khảo sát thực tế, khu vực DNNVV rất đa dạng về quy mô, loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh rất linh hoạt, vì vậy, nhu cầu về mức vốn vay, thời hạn vay, phương thức trả gốc lãi...là không giống nhau.

Chính vì vậy mà ngân hàng với phương châm "*lấy hiệu quả kinh doanh của khách hàng làm mục tiêu phục vụ*", ACB Đà Nẵng

cần đưa ra những loại hình tín dụng phù hợp với từng yêu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, cần xây dựng một chiến lược tuyên truyền, quảng cáo của sản phẩm dịch vụ đến tận các doanh nghiệp.

a. Thu hút và đa dạng hóa đối tượng khách hàng

b. Xây dựng chiến lược Marketing hướng tới doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.2.2. Cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm tín dụng đối với DNNVV

Phần lớn DNNVV rất có tiền năng hiện tại và trong tương lai, tuy nhiên về mặt nào đó họ không hiểu rõ về các dịch vụ ngân hàng, thủ tục vay vốn nên có tâm lý ngại đến ngân hàng. Chính vì vậy, các ngân hàng cần cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm của mình theo hướng tiện lợi cho khách hàng, những vẫn đảm bảo an toàn khi cho vay. Do đó, ngân hàng cần phát triển bộ sản phẩm trọn gói, phù hợp cho mọi trọng đối khách hàng khác nhau.

a. Cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm tín dụng đối với DNNVV

b. Phát triển các sản phẩm trọn gói cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.2.3. Xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt đối với các DNNVV

Một trong những vấn đề DNNVV quan tâm nhất khi đến vay vốn ngân hàng là lãi suất vì lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, mức lãi suất phải hợp lý, hình thành trên cơ sở thoả thuận với khách hàng, hài hoà lợi ích ngân hàng và doanh nghiệp. ACB Đà Nẵng nên thực hiện chính sách linh hoạt nhằm thu hút và giữ khách hàng, lấy lãi suất để làm công cụ kích thích các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả

3.2.4. Cải tiến quy trình và chất lượng thẩm định

Trong những năm qua, nhiều quy trình, thủ tục, công tác thẩm định cho vay luôn diễn ra một cách rập khuôn, máy móc dẫn đến nhu cầu của khách hàng không được đáp ứng đầy đủ hoặc chất lượng các khoản vay không đạt yêu cầu. Qua thực tiễn cho vay, ngân hàng cần cải tiến về thủ tục và công tác thẩm định cho vay, cụ thể:

a. Cải tiến các thủ tục cho vay

b. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định đối với DNNVV

c. Kiểm tra giám sát khoản vay

3.2.5. Giải pháp hỗ trợ

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với DNNVV

3.3.2. Kiến nghị đối với NH TMCP Á Châu

3.3.3. Một số kiến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước và các hiệp hội của DNNVV

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đưa ra những định hướng mở rộng cho vay của nền kinh tế và ACB Đà Nẵng. Đồng thời xây dựng các nhóm giải pháp của ACB – Đà Nẵng nhằm mở rộng hoạt động cho vay đối với các DNNVV đang có quan hệ tín dụng tại ACB – Đà Nẵng trong thời gian tới. Đồng thời, trong chương này cũng đề cập đến một số kiến nghị đối với DNNVV, NH TMCP Á Châu, các cơ quan quản lý nhà nước và các hiệp hội của DNNVV, nhằm hỗ trợ tối đa cho việc mở rộng hoạt động cho vay đối với DNNVV tại ACB – Đà Nẵng trong thời gian sắp tới.

KẾT LUẬN

DNNVV đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là trong việc giải quyết công ăn, việc làm. Nền kinh tế không thể tăng trưởng phát triển nhanh và bền vững nếu không có sự phát triển của các DNNVV. Các DNNVV với ưu thế và hạn chế nhất định nên khó có thể phát triển nhanh và bền vững nếu thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước. Vì vậy, để phát huy vai trò tích cực của DNNVV trong nền kinh tế thị trường nhất thiết phải có định hướng, hỗ trợ trong quá trình phát triển. Trong chính sách hỗ trợ thì chính sách, cơ chế tài chính mà trong đó tín dụng ngân hàng là một trong những công cụ quan trọng và có hiệu quả để khuyến khích, định hướng và hỗ trợ phát triển DNNVV.

Mặc dù, đề tài đã cố gắng nghiên cứu, phân tích và đưa ra những giải pháp trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động mở rộng cho vay đối với DNNVV, với mục đích cuối cùng là nhằm tạo tiếng nói chung giữa DNNVV với ngân hàng để đạt được kết quả hai bên cùng có lợi, đặc biệt góp phần cho sự phát triển chung của nền kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc mở rộng hoạt động cho vay đối với DNNVV là một vấn đề lớn, theo đó trong quá trình nghiên cứu luận văn cũng không tránh khỏi những sai sót mang tính chủ quan, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp nhằm giúp cho tác giả hoàn thiện hơn trong công tác nghiên cứu của mình.